TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2023
về việc ly hôn, tranh chấp con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Giản

2. Bà Phạm Thị Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 2 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124a/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Anh P, nơi cư trú: Số 11, đường Q, phường A, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Hà Thị Thu T, nơi cư trú: Số 11, đường Q, phường A, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Anh P trình bày: Anh và chị Hà Thị Thu T kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2020 thì mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có sự đồng điệu trong điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày. Suốt một thời gian dài, anh và chị T sống gần như ly thân nhau, không còn sự quan tâm tới nhau về tinh thần. Nay, anh thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hà Thị Thu T.

Về con chung: Vợ chồng có có 03 con chung là Hoàng Danh Q, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2011; Hoàng Gia B, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018 và Hoàng Đăng K, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2019. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Hoàng Gia B, anh nhận trách nhiệm nuôi hai cháu là Hoàng Danh Q và Hoàng Đăng K đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là chị Hà Thị Thu T trình bày: Chị xác nhận về thời gian vợ chồng kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, như anh Hoàng Anh P trình bày. Chị xác định vợ chồng chỉ không có sự đồng điệu về quan điểm sống do anh P có cách sống khác. Quá trình chuẩn bị xét xử chị mong muốn vợ chồng hòa giải nhưng anh P không có thiện chí hòa giải nên không hòa giải được. Đến nay, chị thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn anh P và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Anh P có 03 con chung là cháu Hoàng Danh Q, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2011; cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018; cháu Hoàng Đăng K, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2019. Khi ly hôn, chị đồng ý và thỏa thuận với anh P: Cháu Hoàng Gia B đang có vấn đề về sức khỏe nên chị nhận nuôi, giao hai con chung là Hoàng Danh Q và Hoàng Đăng K cho anh P nuôi. Trường hợp sau này nếu anh P nuôi và chăm sóc con không đảm bảo thì chị đề nghị xem xét thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử: Cho anh Hoàng Anh P được ly hôn chị Hà Thị Thu T. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Thu T trực tiếp nuôi con chung cháu Hoàng Gia B; giao cho anh P trực tiếp nuôi hai con chung là Hoàng Danh Q và Hoàng Đăng K đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Anh P và chị Hà Thị Thu T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại các điều 9, 11 và 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Hoàng Anh P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với chị Hà Thị Thu T cư trú tại phường Hải Thành, quận K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, chị T đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng. Quá trình xác minh thập chứng cứ xác định: Gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa anh P và chị T ngày càng trầm trọng. Anh P làm đơn xin ly hôn chị T, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Bản thân chị T giai đoạn chuẩn bị xét xử không muốn vợ chồng ly hôn nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tại phiên tòa anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với chị T, trước khi mở phiên tòa, chị T cũng có đơn đồng ý ly hôn anh P và xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu

cầu của anh P xin ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Danh Q, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2011; Hoàng Gia B, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018 và Hoàng Đăng K, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2019. Khi ly hôn, anh P và chị T cùng có quan điểm thống nhất, giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Hoàng Gia B, anh P trực tiếp nuôi hai con là là Hoàng Danh Q và Hoàng Đăng K đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh P và chị T thống nhất về việc nuôi con như trên là phù hợp với pháp luật, với thực tế và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của con chung, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh P và chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Hoàng Anh P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Anh P và chị Hà Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Anh P được ly hôn chị Hà Thị Thu T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hà Thị Thu T trực tiếp nuôi con chung Hoàng Gia B, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2018; giao cho anh Hoàng Anh P trực tiếp nuôi con chung Hoàng Danh Q, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2011 và Hoàng Đăng K, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2019 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh P và chị T tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Anh P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai biên lai thu tiền tạm ứng án phí tòa án số 0002857 ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Anh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh P có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 04/2011);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng